

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương
viên chức ngành tài nguyên và môi trường

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, g, h và i khoản 5 Điều 2 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP; Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 01/2008/QĐ-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành chức danh và mã số ngạch các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương vào các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường quy định tại Quyết định số

01/2008/QĐ-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành chức danh và mã số ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây gọi là Quyết định số 01/2008/QĐ-BNV) và Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây gọi là Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành tài nguyên và môi trường ở Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

Điều 3. Nguyên tắc chuyển xếp ngạch

1. Việc chuyển xếp ngạch phải căn cứ vào vị trí công tác, chuyên môn nghiệp vụ và chức trách được giao của viên chức.

2. Viên chức được chuyển xếp ngạch phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT.

3. Khi chuyển xếp ngạch từ ngạch viên chức hiện giữ sang ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường không được kết hợp nâng bậc lương, nâng ngạch hoặc chuyển loại viên chức.

Điều 4. Chuyển xếp ngạch từ ngạch viên chức hiện giữ sang ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường

1. Chuyển xếp vào ngạch Điều tra viên cao cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.241), Dự báo viên cao cấp khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.246), Kiểm soát viên cao cấp khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.251) đối với viên chức hiện giữ ngạch Kỹ sư cao cấp và tương đương có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn D, tốt nghiệp đại học, chuyên ngành Khí tượng, đang làm nhiệm vụ dự báo khí tượng tại Phòng Dự báo khí tượng ngắn hạn thuộc Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, hiện giữ ngạch Dự báo viên cao cấp (mã số ngạch 14.103) bậc 2, hệ số lương 6,56. Ông Nguyễn Văn D sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Dự báo viên cao cấp khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.246), bậc 2, hệ số lương 6,56; thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 2, ngạch Dự báo viên cao cấp.

2. Chuyển xếp vào ngạch Trắc địa bản đồ viên chính (mã số ngạch 14.233), Địa chính viên chính (mã số ngạch 14.237), Điều tra viên chính tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.242), Dự báo viên chính khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.247), Kiểm soát viên chính khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.252), Quan trắc viên chính tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.256) đối với viên chức hiện giữ ngạch Kỹ sư chính và tương đương có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn A tốt nghiệp đại học, chuyên ngành Trắc địa, đang công tác tại Trung tâm Thành lập và hiện chỉnh bản đồ cơ sở thuộc Trung tâm Viễn thám quốc gia, hiện giữ ngạch Kỹ sư chính (mã số ngạch 13.094), bậc 3, hệ số lương 5,08. Ông Nguyễn Văn A sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Trắc địa bản đồ viên chính (mã số ngạch 14.233), bậc 3, hệ số lương 5,08; thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 3, ngạch Kỹ sư chính.

3. Chuyển xếp vào ngạch Trắc địa bản đồ viên (mã số ngạch 14.234), Địa chính viên (mã số ngạch 14.238), Điều tra viên tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.243), Dự báo viên khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.248), Kiểm soát viên khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.253), Quan trắc viên tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.257) đối với viên chức hiện giữ ngạch Kỹ sư và tương đương có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT.

Ví dụ 3: Bà Lê Thị B, tốt nghiệp đại học, chuyên ngành Quản lý đất đai, đang công tác tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, hiện giữ ngạch Kỹ sư (mã số ngạch 13.095), bậc 9, hệ số lương 4,98 và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 8%. Bà Lê Thị B sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Địa chính viên (mã số ngạch 14.238), bậc 9, hệ số lương 4,98 và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 8%; thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung lần sau được tính từ thời điểm được nâng phụ cấp thâm niên vượt khung 8%.

Ví dụ 4: Bà Nguyễn Thị C, tốt nghiệp đại học, chuyên ngành Khí tượng, đang công tác tại Trạm Khí tượng Láng, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, hiện giữ ngạch Quan trắc viên chính (mã số ngạch 14.106), bậc 8, hệ số lương 4,65. Bà Nguyễn Thị C sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Quan trắc viên tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.257), bậc 8, hệ số lương 4,65; thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 8, ngạch Quan trắc viên chính (mã số ngạch 14.106).

Ví dụ 5: Ông Hoàng Văn M, tốt nghiệp đại học, chuyên ngành Thủy văn, đang công tác tại Liên đoàn Khảo sát khí tượng thủy văn, hiện giữ ngạch Kỹ sư (mã số ngạch 13.095), bậc 7, hệ số lương 4,32. Ông Hoàng Văn M sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Điều tra viên tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.243), bậc 7, hệ số lương 4,32; thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 7, ngạch Kỹ sư.

4. Chuyển xếp vào ngạch Trắc địa bản đồ viên cao đẳng (mã số ngạch 14.235), Địa chính viên cao đẳng (mã số ngạch 14.239), Điều tra viên cao đẳng tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.244), Dự báo viên cao đẳng khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.249), Kiểm soát viên cao đẳng khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.254), Quan trắc viên cao đẳng tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.258) đối với viên chức hiện đang hưởng lương loại A_0 và có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT.

Ví dụ 6 : Ông Dương Văn C, tốt nghiệp cao đẳng, chuyên ngành Trắc địa, đang công tác tại Liên đoàn Địa chất Đông Bắc, hiện đang hưởng lương Kỹ sư trình độ cao đẳng, bậc 4, hệ số lương 3,03. Ông Dương Văn C sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Điều tra viên cao đẳng tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.244), bậc 4, hệ số lương 3,03; thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 4, lương Kỹ sư trình độ cao đẳng.

Ví dụ 7: Bà Nguyễn Thị V, tốt nghiệp cao đẳng, chuyên ngành Thủy văn, đang làm nhiệm vụ quan trắc thủy văn tại Trạm Thủy văn Tiên Tiến, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc, hiện đang hưởng lương Quan trắc viên chính trình độ cao đẳng, bậc 9, hệ số lương 4,58. Bà Nguyễn Thị V sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Quan trắc viên cao đẳng tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.258), bậc 9, hệ số lương 4,58. Thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 9, lương Quan trắc viên chính trình độ cao đẳng.

5. Chuyển xếp vào ngạch Trắc địa bản đồ viên trung cấp (mã số ngạch 14.236), Địa chính viên trung cấp (mã số ngạch 14.240), Điều tra viên trung cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.245), Dự báo viên trung cấp khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.250), Kiểm soát viên trung cấp khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.255), Quan trắc viên trung cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.259) đối với viên chức hiện giữ ngạch Kỹ thuật viên và tương đương có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT.

Ví dụ 8: Bà Nguyễn Thị H, tốt nghiệp trung cấp, chuyên ngành Thủy văn, đang làm nhiệm vụ quan trắc thủy văn tại Trạm Thủy văn Hà Nội, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, hiện giữ ngạch Quan trắc viên (mã số ngạch 14.107), bậc 11, hệ số lương 3,86. Bà Nguyễn Thị H sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Quan trắc viên trung cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.259), bậc 11, hệ số lương 3,86; thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 11, ngạch Quan trắc viên.

6. Chuyển xếp vào ngạch Quan trắc viên sơ cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.260) đối với viên chức hiện giữ ngạch Quan trắc viên sơ cấp và tương đương có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT.

Ví dụ 9: Bà Đặng Thị T, tốt nghiệp sơ cấp, chuyên ngành thủy văn, hiện làm nhiệm vụ quan trắc thủy văn thuộc Trạm Thủy văn Thanh Sơn thuộc Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Việt Bắc, hiện giữ ngạch Quan trắc viên sơ cấp (mã số ngạch 14.108), bậc 5, hệ số lương 2,37. Bà Đặng Thị T sẽ được chuyển xếp sang ngạch, bậc viên chức ngành tài nguyên và môi trường tương đương là ngạch Quan trắc viên sơ cấp tài nguyên môi trường (mã số ngạch 14.260), bậc 5, hệ số lương 2,37; thời gian nâng bậc lương lần sau được tính từ thời điểm nâng bậc 5, ngạch Quan trắc viên sơ cấp.

7. Các chức danh viên chức khác trong các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành tài nguyên và môi trường nêu tại Điều 2 Thông tư này đang xếp ngạch lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước, nếu đã được bổ nhiệm vào ngạch viên chức phù hợp với vị trí công việc đang đảm nhiệm thì không thực hiện việc chuyển xếp lại ngạch, bậc lương.

Điều 5. Xếp lương

Việc xếp lương đối với viên chức được chuyển xếp vào các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo Biểu mẫu kèm theo Thông tư này, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào các ngạch theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp ngạch viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổng hợp phương án chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức của các đơn vị trực thuộc, gửi Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phê duyệt;

b) Quyết định chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào các ngạch theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp ngạch viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

b) Phê duyệt phương án chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình chuyển xếp ngạch viên chức;

c) Quyết định chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào các ngạch theo thẩm quyền. Đối với các trường hợp chuyển xếp vào các ngạch viên chức cao cấp ngành tài nguyên và môi trường thì có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ quyết định;

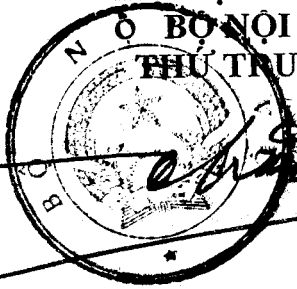
d) Báo cáo kết quả chuyển xếp ngạch và xếp lương đối với viên chức ngành tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý kèm theo danh sách viên chức được chuyển xếp ngạch và xếp lương, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ trước ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các địa phương phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để thống nhất với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hiền

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ;
- Website Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ. 400b.

24

VT

Tên đơn vị sự nghiệp

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN XẾP NGẠCH VÀ CHUYỂN XẾP LƯƠNG VIÊN CHỨC
NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 30/TTLT-BTNMT-BNV ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ)

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch, bậc lương đang hưởng | | | | | | | Ngạch, bậc lương được chuyển xếp | | | | | | |
|----|-----------|-----------------------|----|---|-----------------------------|-----------------|-------------|---|-----------------|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------|-------------|---|--|--------------------------|-----------------------------------|
| | | Nam | Nữ | | Mã số ngạch | Bậc trong ngạch | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) | Thời điểm hưởng | Phụ cấp chức vụ (nếu có) | Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) | Mã số ngạch | Bậc trong ngạch | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) | Thời điểm tính năng bậc lương hoặc % PCTN vượt khung lần sau | Phụ cấp chức vụ (nếu có) | Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |

I. Viên chức chuyên môn kỹ thuật giữ chức danh lãnh đạo được bổ nhiệm

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

II. Viên chức chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật (kể cả những người đang thử việc)

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

III. Lao động hợp đồng đã xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

....., ngày.... Thángnăm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký tên)

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN TỔ CHỨC CÁN BỘ
(ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)